

3. PHƯỜNG VĂN PHÚ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1	Đường Đinh Tiên Hoàng (Từ giáp địa giới xã Yên Bình đến giáp ranh giới phường Yên Bái)	Từ giáp địa giới xã Yên Bình	Đến gặp đường Yên Thế	9.000	5.400	4.500
		Đoạn tiếp theo	Đến gặp đường Lương Văn Can	13.000	7.800	6.500
		Đoạn tiếp theo	Đến giáp đất Bệnh viện Trảng An	20.000	12.000	10.000
		Từ Nguyễn Đức Cảnh	Đến phường Yên Bái	33.000	19.800	16.500
2	Đường Trần Phú (Từ ranh giới phường Yên Bái đến cầu bê tông, TDP Lương Thịnh)	Đoạn từ ranh giới phường Yên Bái	Đến hết ranh trường dân tộc Nội Trú	15.000	9.000	7.500
		Đoạn tiếp theo	Đến cầu bê tông TDP Lương Thịnh	10.000	6.000	5.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
3	Đường Lê Văn Tám (Từ ngã ba Km 6 qua Trung tâm GTVL đến hết địa phận phường Văn Phú)	Từ hết vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đến hết Trung tâm giới thiệu việc làm	15.000	9.000	7.500
		Từ hết đường thanh Liêm	Đến nhà Đặng Quốc Đạt	12.000	8.400	6.000
4	Đường Nguyễn Đức Cảnh (Từ chợ Km 6 đến gặp đường Trần Phú)	Đoạn sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đến vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	15.000	9.000	7.500
		Từ VT1 Nguyễn Tất Thành	VT1 đường Trần phú	15.000	9.000	7.500
5	Đường Lương Văn Can (Từ ngã ba Nhà thờ Km 7 đến gặp đường Trần Phú)	Đoạn sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đầu cầu vượt	8.000	4.800	4.000
		Đoạn tiếp theo	Gầm Cầu Vượt	6.000	3.600	3.000
		Đoạn tiếp theo	Đường Trần Phú	8.000	4.800	4.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
6	Đường Phan Đăng Lưu (Từ ngã ba Công đoàn tỉnh đến gặp đường Thanh Liêm)	Từ sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Hết nhà bà Lù Thị Tĩnh	10.000	6.000	5.000
		Đoạn tiếp theo	Gặp Đường Thanh Liêm	8.000	4.800	4.000
7	Đường Lương Yên (Từ UBND phường Yên Thịnh cũ đến TDP Lương Thịnh)	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đi vào 150 m	8.000	4.800	4.000
		Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng vào 150 m	Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	10.000	6.000	5.000
		Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần phú	7.000	4.200	3.500
8	Đường Yên Thế	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Hết đất Nhà văn hóa tổ 6	8.000	4.800	4.000
		Đoạn tiếp theo	Giáp ranh giới phường Nam Cường	4.000	2.400	2.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
9	Đường Nguyễn Quang Bích (Từ vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng đến gặp đường Nguyễn Tất Thành)	VT1 Đinh Tiên Hoàng	Ngã ba (NVH tổ 5)	7.000	4.200	3.500
		Đoạn tiếp theo	Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	10.000	6.000	5.000
		Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	Nhà nghỉ Phương Thúy	10.000	6.000	4.000
		Đoạn tiếp theo	Đường Trần Phú	9.000	5.400	4.500
10	Đường Nguyễn Tất Thành	Đoạn từ ngã tư km 5	Đường Nguyễn Quang Bích	40.000	24.000	20.000
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	30.000	18.000	15.000
11	Đường bê tông Tổ 7 phường	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên	Đi vào 100m	4.400	2.640	2.200

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	Văn Phú	Hoàng				
		Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng vào 100m	Hết đường bê tông (hết đất nhà ông Bằng)	3.500	2.100	1.750
		Hết đường bê tông (hết đất nhà ông Bằng)	Hết đường bê tông (hết đất nhà ông Tài)	3.000	1.800	1.500
12	Đường bê tông Tổ 5 phường Văn Phú	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đi vào 100m	5.000	3.000	2.500
		Đoạn tiếp theo	Hết đường bê tông	4.000	2.400	2.000
13	Đường bê tông Tổ 1 phường Văn Phú	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đi vào 100m	4.400	2.640	2.200
		Đoạn tiếp theo	Cầu bê tông	3.500	2.100	1.750
		Đoạn tiếp theo	Đến hết địa phận phường Văn Phú	3.000	1.800	1.500
14	Đường Yên Thế kéo dài (phường Văn Phú)	Đường từ đường Đinh Tiên Hoàng qua trường MN Yên Thịnh	Đường Nguyễn Tất Thành	6.000	4.800	3.600

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
15	Khu tái định cư đối diện nhà nghỉ Hồng Phú			8.000	4.800	4.000
16	Đường Nội bộ View, tổ 7 Phường Văn Phú			10.000	6.000	5.000
17	Đường nội bộ quỹ đất tổ 2 (Khu vực quán Vua cá hồi)			20.000	12.000	10.000
18	Đường Thanh Hùng (Đường từ sau vị trí 1 vào khu Tái định cư 2A vào UBND phường)			4.000	2.400	2.000
19	Đường 7C (Từ đường Trần Phú hết TDP Thanh Lương)	Từ đường Trần Phú	VT1 Đường Lạc Long Quân	8.000	4.800	4.000
		VT1 Đường Lạc Long Quân	Hết TDP Thanh Lương (Cầu Phây)	5.000	3.000	2.500
20	Đường từ cầu bê tông qua TDP Lương Thịnh 2 đến gặp đường Nguyễn Tất Thành			5.000	3.000	2.500
21	Đường TDP Lương Thịnh đi thôn Thanh Lương (sau vị trí 1 đường 7C vào khu nhà ông Đô)	Sau vị trí 1 đường 7C	Khu nhà ông Đô	2.500	1.500	1.250
22	Đường từ ngã ba nhà bà Chuyên qua TDP Thanh Lương đến cổng UBND	Ngã ba nhà bà Chuyên	Sau VT1 đường Lạc Long Quân	5.000	3.000	2.500
		Sau VT1 đường Lạc Long	Nhà ông Lê Đình Tính	5.000	3.000	2.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	phường	Quân				
		Sau VT1 đường Lạc Long Quân	Trụ sở UBND phường Văn Phú	4.000	2.400	2.000
		Sau VT1 đường Lạc Long Quân	Đi Cây Phay	4.000	2.400	2.000
		Đường nhánh đi Đồng Hóc	Hết đất nhà bà Kiệm	3.000	1.800	1.500
23	Đường từ cổng UBND phường đi TDP Trán Thanh	Đường từ UBND phường	Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	4.000	2.400	2.000
		Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	Đến nhà Văn hóa TDP Trán Thanh	5.000	3.000	2.500
		Đoạn tiếp theo đến	TDP Bình Sơn	5.000	3.000	2.500
		Ngã ba nhà bà Thoa (Đoàn)	TDP Văn Quỳ	3.000	1.800	1.500
		Từ nhà ông Tuấn	TDP Lem	3.000	1.800	1.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
24	Đường Trần Ninh (Từ giáp nhà ông Chúc thôn Thanh Hùng đến hết nhà văn hóa TDP Trần Ninh)	Nhà ông Chúc thôn Thanh Hùng	Hết nhà văn hóa TDP Trần Ninh	3.000	1.800	1.500
25	Đường Trần Ninh	Ngã tư Đền Rối	Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	4.000	2.400	2.000
		Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	Ngã ba nhà ông Lại Việt Hà	4.000	2.400	2.000
		Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	Sau VT1 đường vào UBND phường Văn Phú (đến nhà bà Lê Thị Bích Lụa)	3.000	1.800	1.500
26	Đường TDP Lương Thịnh (từ nhà bà Phương đến sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành)	Nhà bà Phương	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	5.000	3.000	2.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
27	Đường Âu Cơ đoạn đi qua địa phận phường Văn Phú	Giáp ranh giới phường Yên Bái	Ngã sáu	30.000	18.000	15.000
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	25.000	15.000	12.500
28	Đường từ ngã sáu vòng xuyên Thanh Hùng đến khu Tái định cư 2A			20.000	12.000	10.000
29	Đường nội bộ khu Tái định cư 2A			8.000	4.800	4.000
30	Đường từ ngã tư Đèn Rỏi đến giáp địa phận TDP Tuy Lộc			3.000	1.800	1.500
31	Đường sau vị trí 1 Đường Âu Cơ đến khu tái định cư 2A (đường giáp khu tái định cư số 1 đường Âu Cơ)	Sau VT1 đường Âu Cơ	Ngã ba hết đất nhà ông Thông	8.000	4.800	4.000
		Ngã ba hết đất nhà ông Thông	Đến nhà ông Tiến	4.000	2.400	2.000
		Ngã ba hết đất nhà ông Thông	Nhà bà Kiệm	4.000	2.400	2.000
32	Đường Tuần Quán (đoạn từ ngã sáu hướng đi cầu Tuần Quán đến hết ranh giới phường Văn Phú)	Ngã sáu hướng đi cầu Tuần Quán	Hết ranh giới phường Văn Phú	20.000	12.000	10.000
33	Đường từ sau VT1 đường Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh giới xã Yên Bình (Trường			5.000	3.000	2.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	<i>quân sự Ấp Bắc</i>					
34	Đường từ sau VT1 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà ông Nghị			5.000	3.000	2.500
35	Đường Lạc Long Quân (đoạn từ km4+400m đường Nguyễn Tất Thành đến giao với đường Âu Cơ tại Km3+300m)			25.000	15.000	12.500
36	Đường nội bộ các khu tái định cư trên tuyến Đường Lạc Long Quân (Đường nội bộ rộng 7,0 m)			12.000	7.200	6.000
37	Đường nội bộ quỹ đất Lương Thịnh (<i>đối diện đền Lương Nham</i>)			9.000	5.400	4.500
38	Đường Trần Thanh đi Trần Ninh (từ ngã ba nhà văn hoá thôn Trần Thanh đến sau VT1 đường đường nối Nguyễn tất Thành với đường Âu Cơ): bê tông rộng 3,5m.	Ngã ba nhà văn hoá thôn Trần Thanh	Sau VT1 đường đường nối Nguyễn tất Thành với đường Âu Cơ)	3.000	1.800	1.500
39	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành đến đường Trần Phú (Giáp nhà ông Phạm Văn Đông)			4.000	2.400	2.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
40	Đường Yên Bái - Văn Tiến	Giáp ranh giới phường Yên Bái	ngã 3 đến khách sạn Ngôi Sao	8.000	4.800	4.000
		Nhà nghỉ Hoa Cau	Đến Đường Âu Cơ	7.000	4.200	3.500
		Đoạn tiếp theo	Đến Công ty cổ phần khoáng sản Viglacera	6.000	3.600	3.000
		Ngã 3 Ngôi Sao	Đến Công ty cổ phần khoáng sản Viglacera	15.000	9.000	7.500
		Đoạn tiếp theo	Quốc lộ 2D (trụ sở UBND Văn Tiến cũ)	10.000	6.000	5.000
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận TDP Bình Sơn	6.000	3.600	3.000
		Đoạn tiếp theo	Cầu Gốc gạo	4.000	2.400	2.000
		Đoạn tiếp theo	Cổng làng văn hóa Đồng Tâm	6.000	3.600	3.000
		Đoạn tiếp theo	Cổng Làng văn hóa Đăng Thợ	4.500	2.700	2.250
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	6.000	3.600	3.000
41	Đường Yên Bái Văn Tiến đi đường Âu Cơ (cửa NVH đa năng xã Văn Phú cũ)			4.000	2.400	2.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
42	Đường Trần Xuân Lai nhánh 1 (đường từ nhà ông Thoán Mai đến đường nối QL37 với đường nối Cao tốc Nội Bài Lào Cai)			3.000	1.800	1.500
43	Đường Trần Xuân Lai nhánh 2 (Đường từ nhà ông Chúc đến hết đất nhà bà Ninh)			3.000	1.800	1.500
44	Đường từ Trụ sở Đảng Ủy Phường Văn Phú đến nhà ông Tuấn Lựu			3.000	1.800	1.500
45	Đường từ ngã ba Ngân hàng đi chợ Văn Phú			4.000	2.400	2.000
46	Đường tái định cư ga Văn Phú			3.000	1.800	1.500
47	Đoạn từ nhà bà Liên đi Phai Đồng			3.000	1.800	1.500
48	Đường Yên Bái - Văn Tiến đi Hậu Bổng	Đoạn từ ngã 3 (UBND xã Văn Tiến cũ)	Ngã ba Ngòi sẻ (Trạm viễn thông Vinaphone)	5.000	3.000	2.500
		Đoạn tiếp theo	Cầu Ngòi Sen	4.000	2.400	2.000
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	3.500	2.100	1.750
49	Đường bê tông từ cổng nhà ông Tuấn Tĩnh đến giáp đường sắt			3.000	1.800	1.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
50	Đường bê tông từ cổng nhà ông Sơn Dũng đến nhà ông Tuấn Thư			3.000	1.800	1.500
51	Đường từ Quốc lộ 2D đến Cổng Công ty Môi trường & nặng lượng Nam Thành			3.000	1.800	1.500
52	Đường ngã ba Ngòi sẻ đi Đồng Tiến	Ngã ba Ngòi sẻ (Trạm viễn thông Vinaphone)	Nhà ông Phúc Xuân	3.000	1.800	1.500
		Đoạn tiếp theo	Ngã ba nhà ông Trần Hữu Tuấn (TDP Đồng Tiến)	1.500	900	750
53	Đường từ Quốc lộ 2D đến hết địa phận TDP Bình Sơn	Đường bê tông từ Quốc lộ 2D	Hết địa phận TDP Bình Sơn	3.000	1.800	1.500
		Nhà văn hóa TDP Bình Sơn	Ao Chùa	2.600	1.560	1.300
54	Đường nối Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn từ giáp ranh giới phường Yên Bái đến gặp đường Yên Bái - Văn Tiến)	Giáp ranh giới phường Yên Bái	Đường Yên Bái - Văn Tiến	20.000	12.000	10.000
55	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc	Nút giao với đường Âu Cơ	Đầu cầu Giới Phiên	25.000	15.000	12.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	lộ 32C, Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái (từ nút giao với đường Âu Cơ đến đầu cầu Giới Phiên)					
56	Đường nội bộ khu tái định cư Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái			12.000	7.200	6.000
57	Đường nội bộ khu tái định cư Dự án Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới (Quỹ đất trên trục đường Âu Cơ, giáp khu 3C) - Hạng mục: Mặt bằng điểm 4B			8.000	4.800	4.000
58	Đường nội bộ dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu số 3 - Điểm 3C)			10.000	6.000	5.000
59	Đường nội bộ dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu số 3 - Điểm 3A)			10.000	6.000	5.000
60	Đường nội bộ khu tái định cư Lưỡng Sơn			3.200	1.920	1.600
61	Đường nội bộ khu tái định cư Bình Sơn			2.800	1.680	1.400
62	Đường nội bộ khu Tái định cư số 4			8.600	5.160	4.300
63	Đường nội bộ khu tái định cư 4C			8.600	5.160	4.300

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
64	Đường nội bộ khu tái định cư 4A			8.600	5.160	4.300
65	Đường nội bộ khu 4D			8.000	4.800	4.000
66	Đường Vũ Văn Uyên	Giáp xã Yên Bình	Đường rẽ vào khu tái định cư	3.000	1.800	1.500
		Đoạn tiếp theo	Ngã 3 (hết đất ông Nguyễn Quốc Luận)	4.500	2.700	2.250
		Đoạn tiếp theo	Hết TDP Thanh Bình	3.000	1.800	1.500
67	Đường bê tông từ đường Quốc lộ 2D (gốc gạo) đi Tổ dân phố Đông Văn	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	Nghĩa trang Tổ dân phố Hợp Thịnh	1.500	900	750
		Đoạn tiếp theo	Hội trường Tổ dân phố Đông Văn (cũ)	1.000	600	500
68	Đường nối đường Đại Đồng đi đường Hương Lý	Sau vị trí 1 giáp xã Yên Bình	Đường Vũ Văn Uyên sau VT 1	2.000	1.200	1.000
		Đường Vũ Văn Uyên sau VT 1	Giáp ranh xã Yên Bình	1.500	900	750
69	Đường nối QL2D đi tỉnh Phú Thọ	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	Đường giẽ khu tái định cư Khu công nghiệp	5.000	3.000	2.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		Đường giẽ khu tái định cư Khu công nghiệp	Ngã 3 trạm điện đi xã Yên Bình	3.500	2.100	1.750
		Đoạn tiếp theo	Ngã 3 nhà ông Trần Hữu Tuấn (TDP Đông Văn)	4.000	2.400	2.000
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới TDP Trung Nghiêm	3.000	1.800	1.500
70	Đường nhựa đi xã Yên Bình (xã Thịnh Hưng cũ)	Ngã 3 trạm điện đi xã Yên Bình	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Như Ninh	3.500	2.100	1.750
		Đoạn tiếp theo	Hết nhà ông Nguyễn Hồng Minh	3.000	1.800	1.500
71	Đường khu tái định cư Khu công nghiệp phía Nam (Từ sau vị trí 1 đường nhựa nối đường Hương Lý đi phường Văn Phú đến hết đường trục chính khu tái định cư)	Sau vị trí 1 đường nhựa nối đường Hương Lý đi phường Văn Phú	Hết đường trục chính khu tái định cư	1.500	900	750
72	Đường Vành đai TDP Đăng Thọ	Sau VT 1 đường Vũ Văn Uyên	Hết đất nhà ông Nguyễn Tiến Lưu	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		Đoạn tiếp theo	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	2.000	1.200	1.000
73	Đường TDP Vạn Xuân	Sau vị trí 1 đường Hương Lý	Hết đất nhà Văn hóa TDP Vạn Xuân	2.000	1.200	1.000
		Đoạn tiếp theo	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Mạnh Cường	1.200	720	600
		Đoạn sau VT1 đường Hương Lý	Ngã 3 nhà ông Lê Văn Mật	2.500	1.500	1.250
74	Đường TDP Đăng Thọ	Sau vị trí 1 đường Hương Lý	Cổng rẽ vào nhà bà Nguyễn Thị Luân	2.500	1.500	1.250
		Đoạn tiếp theo	Hết TDP Đăng Thọ	1.500	900	750
		Sau VT1 đường Hương Lý (giáp đất nhà ông Hiệp)	Cổng qua đường trước nhà bà Bùi Thị Sáu	3.500	2.100	1.750
75	Đường TDP Đồng Tâm	Đoạn sau vị trí 1	Ngã 3 cổng nhà ông Lương Công Thiện	2.000	1.200	1.000
		Sau vị trí 1 đường Hương lý	Hết đất nhà ông Lê Đình Tuyển	1.500	900	750
		Sau vị trí 1 đường Hương lý	Hết đất nhà ông Phan Văn Mỹ	1.200	720	600
76	Đường TDP Lem	Sau vị trí 1 đường Hương lý	Ranh giới giáp TDP Trần	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
			Thanh			
		Sau vị trí 1 đường Hương lý	Hết đất nhà ông Nguyễn Hữu Khải	3.000	1.800	1.500
77	Đường TDP Thanh Bình: Đoạn giáp đất xã Yên Bình (khu dân cư giáp nhà ông Thới, xã Yên Bình và giáp nhà ông Thơm, phường Văn Phú)			2.500	1.500	1.250
78	Đường Cụm công nghiệp Phú Thịnh (Từ sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D đến hết TDP Hợp Thịnh)	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	Hết TDP Hợp Thịnh	3.000	1.800	1.500
79	Đường nội bộ quỹ đất tái định cư cụm công nghiệp Phú Thịnh			1.500	900	750
80	Đường nội bộ quỹ đất tái định cư dự án đường nối đường Nguyễn Tất Thành đi trung tâm y tế			800	480	400
81	Đường nối Nguyễn Tất Thành đi Trung tâm ý tế huyện (Sau vị trí 1 đường Vũ Văn Uyên đến ngã ba nhà ông Luận)			3.500	2.100	1.750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
82	Các tuyến đường khác còn lại					
82.1	Các tuyến đường khác còn lại từ 3m trở lên (trên địa bàn phường Yên Thịnh cũ)			3.000	1.800	1.500
82.2	Các tuyến đường khác còn lại dưới 3m (trên địa bàn phường Yên Thịnh cũ)			2.500	1.500	1.250
82.3	Các tuyến đường khác còn lại từ 3m trở lên (trên địa bàn xã Tân Thịnh và xã Văn Phú cũ)			2.500	1.500	1.250
82.4	Các tuyến đường khác còn lại dưới 3m (trên địa bàn xã Tân Thịnh và xã Văn Phú cũ)			2.000	1.200	1.000
82.5	Các tuyến đường khác còn lại từ 3m trở lên (trên địa bàn xã Phú Thịnh cũ)			1.000	600	500
82.6	Các tuyến đường khác còn lại dưới 3m (trên địa bàn xã Phú Thịnh cũ)			500	300	250